

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HN&GD-ST

Ngày: 24/02/2022

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh

Bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2022/TLST-HN&GD ngày 04/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 07/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐHPT-HN&GD ngày 25/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thắng Y, xã Thượng V, huyện KT, tỉnh HD.

Trú tại: Thôn Cao Th, xã Đức L, huyện Nho Q, tỉnh Ninh B

Bị đơn: Anh Lê Văn Q - sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT, trú tại: Thôn Thắng Y, xã Thượng V, huyện KT, tỉnh HD.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh Q được tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 21/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn chị không tìm hiểu kỹ về anh

Q và gia đình nhà chồng nên quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, giữa chị với bố mẹ chồng cũng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh Q không tin tưởng chị về tình cảm, anh Q đã nhiều lần tát và xúc phạm chị. Cuối năm 2019, bố đẻ chị L ốm, chị xin phép về thăm bố nhưng anh Q không đồng ý và yêu cầu chị xin phép mẹ chồng, trước đó vợ chồng cũng có nhiều bất đồng nên chị L bỏ về nhà ngoại từ đó đến nay và vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Thời gian chị về ngoại, anh Q thì thoảng có liên lạc nhưng mỗi lần liên lạc vợ chồng lại to tiếng, xúc phạm nhau. Chị đã cho anh Q cơ hội để thay đổi nhưng anh Q không sửa đổi nên cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn và không có hạnh phúc, mối quan hệ giữa chị và mẹ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Thanh H - sinh ngày 01/5/2011; Lê Nam N - sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Đ - sinh ngày 17/9/2017. Hiện cả 3 con chung đang ở cùng anh Q, do khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Bình thì anh Q không cho chị đón các con đi nhưng chị vẫn thường xuyên đến thăm, quan tâm đến các con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con Lê Hoàng Đ; chị tự nguyện giao hai con chung Lê Thị Thanh H và Lê Nam N hiện ở cùng với anh Q và ông bà nội ổn định, học tập tốt nên đề nghị Tòa án giao hai con cho anh Q chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con và chị không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q. Hiện tại chị làm công ty có thu nhập ổn định và bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện tốt để chị nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Q và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xác minh tại UBND xã Thượng Vũ: Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị L là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị L và anh Q kết hôn ngày 21/5/2010 tại UBND xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, sau khi kết hôn chị L về sinh sống cùng gia đình anh Q, quá trình chung sống chị L, anh Q có mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được cụ thể, tuy nhiên chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2019; hiện anh Q, bố mẹ đẻ anh Q và các con vẫn sinh sống tại địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Đ (bố mẹ đẻ anh Q) thể hiện: Anh Q và chị L kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn chị L về sống cùng ông bà, cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn như nào thì ông bà không nắm rõ. Tuy nhiên từ năm 2019 đến nay chị L bỏ nhà đi đâu ông bà không rõ, cũng không

liên lạc về gia đình. Trước đây thi thoảng chị L cũng bỏ nhà đi, mỗi lần đi khoảng 10 ngày rồi lại về, tổng cộng chị L tự ý bỏ nhà đi khoảng 5 lần, lần cuối cùng vào năm 2019, chị L bỏ đi đến nay không về. Nay chị L xin ly hôn anh Q, ông bà không muốn vợ chồng anh Q, chị L ly hôn chỉ vì gia đình ông bà theo đạo nhưng nếu chị L vẫn quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q ở cùng ông bà nên Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án ông bà đã đưa anh Q, tuy nhiên anh Quán không đến Tòa án làm việc và không gửi quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Về con chung: Anh Q, chị L có 03 con chung là Lê Thị Thanh H, sinh ngày 01/5/2011; Lê Nam N, sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Đ, sinh ngày 17/9/2017, việc nuôi con là do vợ chồng anh Q, chị L tự quyết định, nếu Tòa án giao con cho anh Q nuôi dưỡng thì ông bà sẽ hỗ trợ anh Q trong việc nuôi dưỡng các cháu.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị L) thể hiện: Cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh Q không hạnh phúc do chị L kết hôn nhưng không tìm hiểu kỹ về chồng, gia đình chồng, cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, anh Q nghe lời bố mẹ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Q nhiều lần tát chị L, chị L bỏ về sống cùng bà từ cuối năm 2019 đến nay, chị L đi làm công ty, có thu nhập đều hàng tháng. Nếu Tòa án giao con cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng bà sẽ hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con.

Cháu Lê Thanh H và Lê Nam N trình bày: Từ năm 2019 khi mẹ bỏ đi, chị em cháu đang sống cùng bố và ông bà nội, hai cháu đề nghị được ở cùng bố Lê Văn Q và ông bà nội.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Q, chị có nguyện vọng được nuôi con Lê Hoàng Đ, chị giao hai con Lê Thị Thanh H và Lê Nam N cho anh Q chăm sóc và nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Văn Q. Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng Đô - sinh ngày 17/9/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; giao 02 con chung Lê Thị Thanh H - sinh ngày 01/5/2011 và Lê Nam N - sinh ngày 02/8/2012 cho anh Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Q kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q là trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, giữa chị L với bố mẹ chồng thường bất đồng quan điểm, anh Q không tin tưởng chị về tình cảm, anh Q đã nhiều lần tát và xúc phạm chị L, từ cuối năm 2019 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Quán đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Văn Quán là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị L thì thấy: Chị L và anh Quán có ba con chung là Lê Thị Thanh Huyền - sinh ngày 01/5/2011; Lê Nam Ninh - sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Đô - sinh ngày 17/9/2017, chị L và anh Quán đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng ba con chung. Xét thấy cháu Lê Hoàng Đ hiện còn nhỏ, cháu cần được sự chăm sóc của người mẹ; chị L có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng, gia đình chị L tạo điều kiện cùng chị chăm sóc con chung. Hai con chung Lê Thị Thanh H và Lê Nam N hiện đang ở cùng anh Q cuộc sống sinh hoạt, học tập đều ổn định và các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng anh Q và ông bà nội. Bố mẹ anh Q luôn tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt và trông nom, chăm sóc con chung giúp anh Q. Vì vậy, để

đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của các con chung, Tòa án giao con chung Lê Hoàng Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Lê Thị Thanh H và Lê Nam N cho anh Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, vì vậy không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Hoàng Đ - sinh ngày 17/9/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao hai con chung Lê Thị Thanh H - sinh ngày 01/5/2011 và Lê Nam N - sinh ngày 02/8/2012 cho anh Lê Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Quán phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0002501 ngày 04 tháng 10 năm 2021.

Ấn xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị L, anh Quán. Chị L, anh Quán được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

